

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(đã được kiểm toán)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 06 tháng 09 năm 2016.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên	
Ông Võ Anh Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 04/03/2016
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/07/2016
Ông Phạm Mạnh Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/07/2016
Ông Đỗ Văn Chính	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 04/03/2016

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06/09/2016
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 06/09/2016
Ông Nguyễn Đình Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/09/2016
Bà Vũ Thanh Hương	Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 16/09/2016
Ông Nguyễn Tiến Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/09/2016
Ông Phạm Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/07/2016 và miễn nhiệm ngày 01/09/2016
Ông Đỗ Văn Chính	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/05/2016

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Yến	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15/09/2016
Bà Vũ Thanh Hương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 04/03/2016 và miễn nhiệm ngày 15/09/2016
Bà Nguyễn Thị Thanh Yến	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 04/03/2016
Ông Phạm Thế Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 04/03/2016
Ông Bạch Thành Nam	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 04/03/2016
Bà Trương Thị Hương Lan	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 04/03/2016

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Tổng Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2017

Số: 225/2017/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được lập ngày 10 tháng 01 năm 2017, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-13-002-1

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2017



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.387.487.256.005	1.144.269.067.995
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.952.418.381.205	121.223.651.001
111	1. Tiền		307.418.381.205	81.223.651.001
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.645.000.000.000	40.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	242.046.708.523	345.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		242.046.708.523	345.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		182.141.870.759	523.194.428.297
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	163.450.273.240	361.641.437.848
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.636.721.863	12.900.612.693
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	6.000.000.000	137.885.120.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	11.054.875.656	18.431.917.350
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		-	(7.680.743.874)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	16.084.280
140	IV. Hàng tồn kho	8	326.486.935	144.613.856.313
141	1. Hàng tồn kho		326.486.935	144.613.856.313
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.553.808.583	10.237.132.384
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		99.327.985	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		10.444.847.648	10.227.499.434
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	9.632.950	9.632.950
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.027.652.236.271	1.208.201.957.221
220	II. Tài sản cố định		353.326.135.601	469.522.667.273
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	353.326.135.601	469.522.667.273
222	- Nguyên giá		467.908.092.528	694.910.567.055
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(114.581.956.927)	(225.387.899.782)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	- Nguyên giá		60.000.000	60.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(60.000.000)	(60.000.000)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	4.455.651.410	24.885.835.408
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		4.455.651.410	24.885.835.408
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	2.638.243.819.355	682.050.850.059
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.971.025.617.177	492.960.564.527
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		681.940.062.485	189.090.285.532
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(14.721.860.307)	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		31.626.629.905	31.742.604.481
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	31.626.629.905	31.742.604.481
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.415.139.492.276	2.352.471.025.216

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.326.735.731.050	397.423.826.482
310	I. Nợ ngắn hạn		1.352.260.147.189	309.698.414.276
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	125.201.617.399	212.733.705.406
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		331.910.950	626.980.260
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	10.110.354.020	4.850.479.995
314	4. Phải trả người lao động		6.987.068.362	34.954.535.859
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	11.877.743.290	351.500.000
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	3.192.367.948	1.367.584.028
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	22.202.719.816	39.007.134.093
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	1.152.533.365.523	-
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	18.517.030.360	-
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.305.969.521	15.806.494.635
330	II. Nợ dài hạn		1.974.475.583.861	87.725.412.206
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	16	46.945.637.558	36.865.162.057
337	2. Phải trả dài hạn khác	17	99.062.274.095	6.200.875.882
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	1.793.713.636.364	-
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	19	25.640.119.184	35.489.024.271
343	5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		9.113.916.660	9.170.349.996
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.088.403.761.226	1.955.047.198.734
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	2.086.022.491.785	1.952.510.962.625
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.550.000.000.000	1.550.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.550.000.000.000	1.550.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		66.378.000.000	66.378.000.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(5.025.000.000)	(5.025.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		139.656.441.276	62.000.000.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		335.013.050.509	279.157.962.625
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		29.506.521.349	29.506.521.349
421b	LNST chưa phân phối năm nay		305.506.529.160	249.651.441.276
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		2.381.269.441	2.536.236.109
432	1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	21	2.381.269.441	2.536.236.109
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.415.139.492.276	2.352.471.025.216

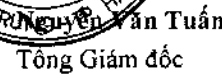


Dương Việt Nga
Người lập



Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

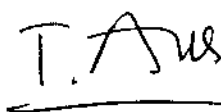
Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	1.293.217.786.441	1.357.283.426.331
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	4.106.711.000	7.207.354.930
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.289.111.075.441	1.350.076.071.401
11	4. Giá vốn hàng bán	25	1.120.538.097.570	1.139.357.295.319
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		168.572.977.871	210.718.776.082
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	270.007.989.535	156.149.387.465
22	7. Chi phí tài chính	27	34.755.728.742	971.650.284
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		19.030.934.004	556.154.000
25	8. Chi phí bán hàng	28	22.489.584.001	20.559.666.575
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	46.237.360.457	62.162.978.295
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		335.098.294.206	283.173.868.393
31	11. Thu nhập khác	30	3.524.130.157	296.526.042
32	12. Chi phí khác	31	4.613.221.981	319.553.766
40	13. Lợi nhuận khác		(1.089.091.824)	(23.027.724)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		334.009.202.382	283.150.840.669
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	28.502.673.222	33.499.399.393
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>305.506.529.160</u>	<u>249.651.441.276</u>




Dương Việt Nga
Người lập



Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		334.009.202.382	283.150.840.669
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		31.053.806.242	32.309.246.080
03	- Các khoản dự phòng		15.709.241.706	1.780.163.275
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(203.142.136)	(1.558.574.765)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(264.286.035.064)	(153.654.162.634)
06	- Chi phí lãi vay		19.030.934.004	556.154.000
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		135.314.007.134	162.583.666.625
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		214.271.139.612	(114.098.714.356)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(30.917.827.848)	(65.854.733.465)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		15.789.469.476	(9.501.380.392)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(13.918.020.941)	(10.292.149.385)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(8.455.875.069)	(556.154.000)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(28.799.399.393)	(52.949.143.879)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(31.995.525.114)	(17.773.138.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		251.287.967.857	(108.441.746.852)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(75.048.218.349)	(95.370.629.264)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		35.001.600	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(563.274.115.123)	(277.482.014.011)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		798.112.526.600	75.879.115.073
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.668.472.430.630)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		74.175.835.400	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		221.827.695.293	149.704.055.431
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.212.643.705.209)	(147.269.472.771)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		737.100.000	216.510.000.000
32	1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		3.302.653.745.615	39.170.470.231
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(356.406.743.728)	(39.170.470.231)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(154.433.705.000)	(168.077.890.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>2.792.550.396.887</i>	<i>48.432.110.000</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		1.831.194.659.535	(207.279.109.623)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		121.223.651.001	328.491.195.250
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		70.669	11.565.374
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>1.952.418.381.205</u>	<u>121.223.651.001</u>

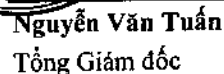


Dương Việt Nga
Người lập



Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 06 tháng 09 năm 2016.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký là 1.550.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.550.000.000.000 đồng; tương đương 155.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Thiết kế chế tạo, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thiết bị đo điện mang thương hiệu GELEX-EMIC như: Công tơ điện 1 pha, 3 pha cơ khí; Công tơ điện tử thông minh 1 pha, 3 pha đa chức năng; Máy biến dòng điện, máy biến điện áp đo lường trung thế, hạ thế và các thiết bị đo điện điện tử khác. Kinh doanh dịch vụ khách sạn.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV;
- Thi công, lắp đặt công trình đường dây, trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 số 27/TBĐVN/NQQ-ĐHCD ngày 01 tháng 08 năm 2016 và Tờ trình số 70/TBĐVN/TTr-TGD ngày 08 tháng 08 năm 2016 về việc thông qua đề án thành lập Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện, theo đó toàn bộ tài sản hữu hình và vô hình liên quan đến hoạt động sản xuất công nghiệp hiện tại của Tổng Công ty, một phần hàng tồn kho và tài sản lưu động khác sẽ được sử dụng để góp vốn thành lập Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện. Do vậy đến thời điểm cuối năm số dư hàng tồn kho của Tổng Công ty biến động lớn so với đầu năm.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

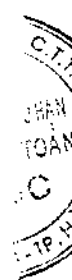
Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.



Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư;
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

2.13 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tổng Công ty áp dụng tỷ lệ trích lập dự phòng bảo hành hàng hóa tối đa 5% trên giá trị hợp đồng căn cứ theo các điều khoản hợp đồng cụ thể.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành và được Tổng Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán riêng là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

VIỆC
CÔNG
NHẬN
KIỂM
AAS
KIỂM

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông tán thành thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

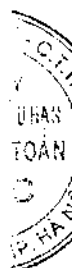
Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính có liên quan.



2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là: Hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp đó.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	1.163.674.666	709.824.907
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	306.254.706.539	80.513.826.094
Các khoản tương đương tiền	1.645.000.000.000	40.000.000.000
	<u>1.952.418.381.205</u>	<u>121.223.651.001</u>

Tại 31/12/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất quy định tại từng Ngân hàng ở từng thời điểm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	242.046.708.523	242.046.708.523	345.000.000.000	345.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (1)	45.000.000.000	45.000.000.000	345.000.000.000	345.000.000.000
- Trái phiếu (2)	197.046.708.523	197.046.708.523	-	-
	<u>242.046.708.523</u>	<u>242.046.708.523</u>	<u>345.000.000.000</u>	<u>345.000.000.000</u>

(1) Tại thời điểm 31/12/2016, các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại, với lãi suất quy định tại từng Ngân hàng ở từng thời điểm.

(2) Bao gồm các hợp đồng cụ thể như sau:

2.1. Hợp đồng mua bán trái phiếu số 06092016/HĐMBTP/NGUYENLATHAO-GEX-S99 ngày 06 tháng 09 năm 2016: 35 trái phiếu của Công ty Cổ phần SCI với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu tương đương với số tiền là 35.709.722.222 đồng; Ngày phát hành: 25/12/2015; Ngày Tổng Công ty mua 06/09/2016; Ngày đáo hạn: 25/12/2018; Lãi suất: 10%/năm.

2.2. Hợp đồng mua bán trái phiếu số 27122016/HĐMBTP/MHC-GEX-VIX ngày 27 tháng 12 năm 2016: 50 trái phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán IB với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu tương đương với số tiền là 50 tỷ đồng; Ngày phát hành: 27/06/2016; Ngày Tổng Công ty mua 27/12/2016; Ngày đáo hạn: 27/06/2017; Lãi suất: 9%/năm.

2.3. Hợp đồng mua bán trái phiếu số 27122016/HĐMBTP/MHC-GEX-THT ngày 27 tháng 12 năm 2016: 800 trái phiếu của Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Tây Hồ Tây với mệnh giá 100.000.000 đồng/trái phiếu tương đương với số tiền là 81.336.986.301 đồng; Ngày phát hành: 27/10/2016; Ngày Tổng Công ty mua 27/12/2016; Ngày đáo hạn: 27/10/2019; Lãi suất: 10%/năm.

2.4. Hợp đồng mua bán trái phiếu số 27122016/HĐMBTP/TXT-GEX-VIX ngày 27 tháng 12 năm 2016: 30 trái phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán IB với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu tương đương với số tiền là 30 tỷ đồng; Ngày phát hành: 27/06/2016; Ngày Tổng Công ty mua 27/12/2016; Ngày đáo hạn: 27/06/2017; Lãi suất: 9%/năm.

3011170
CÔNG T
NHÌEM H
G KIỂM T
AASC
KIỂM - TP

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	1.971.025.617.177	-	492.960.564.527	-
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam ⁽¹⁾	484.822.695.174	-	220.957.490.174	-
- Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ⁽²⁾	214.009.733.181	-	214.009.733.181	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX ⁽³⁾	13.000.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương ⁽⁷⁾	-	-	27.333.284.404	-
- Công ty Cổ phần Khí cụ điện I ⁽⁸⁾	-	-	30.128.906.768	-
- Công ty TNHH GELEX Campuchia	531.150.000	-	531.150.000	-
- Công ty Cổ phần Thiết bị điện ⁽⁴⁾	670.662.038.822	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện ⁽⁵⁾	368.000.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX ⁽⁶⁾	220.000.000.000	-	-	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	681.940.062.485	(14.721.860.307)	189.090.285.532	-
- Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	16.777.167.627	(14.721.860.307)	16.777.167.627	-
- Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội ⁽¹⁰⁾	-	-	5.233.587.356	-
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	5.332.103.750	-	5.332.103.750	-
- Công ty Cổ phần Thiết bị điện	-	-	92.462.038.822	-
- Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	69.285.387.977	-	69.285.387.977	-
- Công ty Cổ phần Khí cụ điện I ⁽⁸⁾	36.252.566.768	-	-	-
- Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ⁽⁹⁾	554.292.836.363	-	-	-
	2.652.965.679.662	(14.721.860.307)	682.050.850.059	-



Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ		Hoạt động kinh doanh chính
		lợi ích	biểu quyết	
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (1)	TP. Hồ Chí Minh	74,73%	74,73%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (2)	TP. Hà Nội	65,88%	65,88%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX (3)	TP. Hà Nội	81,25%	81,25%	Xây dựng dân dụng và công nghiệp
Công ty TNHH GELEX Campuchia	Phnom Penh, Campuchia	100,00%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty Cổ phần Thiết bị điện (4)	Tỉnh Đồng Nai	70,79%	70,79%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện (5)	TP. Hà Nội	100,00%	100,00%	Sản xuất thiết bị đo điện
Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX (6)	TP. Hà Nội	100,00%	100,00%	Sản xuất và phân phối điện

(1) Thông tin bổ sung đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI):

Trong kỳ, Tổng Công ty đã mua bổ sung thêm 2.800.000 cổ phần của CADIVI dẫn tới tỷ lệ biểu quyết và lợi ích của Tổng Công ty tăng từ 65,006% lên 74,73%.

(2) Thông tin bổ sung đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (HEM):

Trong kỳ, HEM đã phát hành thành công cổ phiếu để trả cổ tức với số lượng cổ phiếu phân phối là 4.555.000 cổ phiếu. Do số lượng cổ phiếu để trả cổ tức không được xác định cho số lượng cổ phiếu quỹ tại Công ty con dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty tăng từ 65,84% lên 65,88%.

(3) Thông tin bổ sung đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Gelex (GELEX ICC):

Trong kỳ, Tổng Công ty đã tham gia góp vốn thành lập GELEX ICC với số tiền là 13 tỷ đồng, chiếm 81,25% vốn điều lệ.

(4) Thông tin bổ sung đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thiết bị điện (THIBIDI)

Trong kỳ, Tổng Công ty đã mua bổ sung 26.727.705 cổ phần của THIBIDI dẫn tới tỷ lệ biểu quyết và lợi ích của Tổng Công ty tăng từ 43,44% lên 70,79%. Do đó, khoản đầu tư vào THIBIDI được chuyển sang trình bày là khoản Đầu tư vào Công ty con.

(5) Thông tin bổ sung đối với khoản đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo điện

Trong kỳ, Tổng Công ty thành lập Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện (GELEX EMIC), góp vốn 368 tỷ đồng, chiếm 100% tổng số vốn điều lệ.

(6) Thông tin bổ sung đối với khoản đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX

Trong kỳ, Tổng Công ty thành lập Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX, với số vốn điều lệ là 500 tỷ đồng. Tính đến 31/12/2016, số vốn Tổng Công ty đã góp là 220 tỷ đồng.

(7) Thông tin bổ sung đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương:

Trong kỳ, Tổng Công ty thực hiện thoái toàn bộ 1.793.758 cổ phần của Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương do Tổng Công ty nắm giữ.

(8) Thông tin bổ sung đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khí cụ điện I:

Trong năm Công ty Cổ phần Khí cụ điện I hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 34.000.000.000 đồng lên 45.600.000.000 đồng. Tổng Công ty mua thêm 510.305 cổ phần tương đương với 6.123.660.000 đồng. Điều này dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty giảm từ 51,3% xuống 49,24%. Do đó, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khí cụ điện I được chuyển sang trình bày là khoản Đầu tư vào Công ty liên kết.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari (VIHEM)	TP. Hà Nội	34,27%	34,27%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC (EPT)	TP. Hà Nội	25,50%	25,50%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Dây đồng Việt Nam (CFT)	Tỉnh Đồng Nai	36,35%	36,35%	Sản xuất dây đồng và dây đồng tráng thiếc
Công ty Cổ phần Khí cụ điện I (VINAKIP)	TP. Hà Nội	49,24%	49,24%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty cổ phần kho vận Miền Nam (9)	Tp. Hồ Chí Minh	24,93%	24,93%	Dịch vụ kho bãi, vận chuyển, khai thác cảng

(9) Thông tin bổ sung đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần kho vận Miền Nam (SOTRANS):

Trong kỳ, Tổng Công ty thực hiện mua 21.300.000, cổ phần của SOTRANS, tỷ lệ nắm giữ là 24,93% tổng số vốn điều lệ.

(10) Thông tin bổ sung đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội:

Trong kỳ, Tổng Công ty thực hiện thoái toàn bộ 450.000, cổ phần của Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng do Tổng Công ty nắm giữ.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 37.

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH	48.006.417.479	67.408.349.632
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	81.430.811.033	112.574.675.940
- Công ty TNHH GELEX Campuchia	10.881.605.862	33.308.028.708
- Các khoản phải thu khách hàng khác	23.131.438.866	148.350.383.568
	163.450.273.240	361.641.437.848
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.	92.658.489.064	166.832.496.966

6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	-	95.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	-	16.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	-	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	2.000.000.000	12.385.120.000
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	4.000.000.000	4.500.000.000
	6.000.000.000	137.885.120.000

Số dư phản ánh các khoản cho vay kỳ hạn 06 tháng với lãi suất 6%/năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

7 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.741.704.141	-	5.319.317.210	-
Tạm ứng	149.000.000	-	801.695.136	-
Ký cược, ký quỹ	22.470.000	-	22.470.000	-
Tiền mua thêm cổ phần Công ty Cổ phần khí cụ điện 1	-	-	6.123.660.000	-
Phải thu Công ty GELEX Cambodia	4.957.327.000	-	4.957.327.000	-
Tạm ứng tiền thưởng HĐQT, ban điều hành	3.000.000.000	-	1.100.000.000	-
Phải thu khác	184.374.515	-	107.448.004	-
	11.054.875.656	-	18.431.917.350	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	326.486.935	-	61.000.123.485	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	824.160.806	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	5.056.533.174	-
Thành phẩm	-	-	77.733.038.848	-
	326.486.935	-	144.613.856.313	-

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	4.455.651.410	24.806.235.408
- Văn phòng - Khách sạn tại số 10 Trần Nguyên Hãn, Hà Nội	4.138.214.910	4.138.214.910
- Trụ sở làm việc Tổng Công ty tại 52 Lê Đại Hành, Hà Nội	-	4.526.282.862
- Dự án Đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất	-	16.141.737.636
- Xây dựng cơ bản dở dang khác	317.436.500	-
Mua sắm tài sản cố định	-	79.600.000
	4.455.651.410	24.885.835.408

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

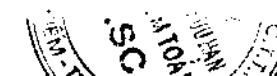
10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	420.798.728.897	171.158.700.386	18.343.398.586	84.609.739.186	694.910.567.055
- Mua trong năm	-	33.192.870.840	1.123.730.909	301.488.454	34.618.090.203
- Điều chỉnh theo giá trị quyết toán XDCB hoàn thành	(868.795.880)	4.644.221.878	-	18.339.099.191	22.114.525.189
- Thanh lý, nhượng bán	-	(12.446.679.800)	-	-	(12.446.679.800)
- Giảm do góp vốn vào Công ty TNHH MTV Thiết bị đc điện	(106.614.654.999)	(147.736.025.353)	(9.470.588.586)	(7.467.141.181)	(271.288.410.119)
Số dư cuối năm	313.315.278.018	48.813.087.951	9.996.540.909	95.783.185.650	467.908.092.528
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	119.102.763.701	90.502.161.655	8.765.785.526	7.017.188.900	225.387.899.782
- Khấu hao trong năm	11.976.347.113	9.095.683.653	1.951.896.537	8.029.878.939	31.053.806.242
- Hao mòn trong năm (*)	-	211.400.004	-	-	211.400.004
- Điều chỉnh theo giá trị quyết toán XDCB hoàn thành	-	-	-	(813.477.557)	(813.477.557)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(12.446.679.800)	-	-	(12.446.679.800)
- Giảm do góp vốn vào Công ty TNHH MTV Thiết bị đc điện	(58.737.675.725)	(62.650.925.492)	(6.095.790.635)	(1.326.599.892)	(128.810.991.744)
Số dư cuối năm	72.341.435.089	24.711.640.020	4.621.891.428	12.906.990.390	114.581.956.927
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	301.695.965.196	80.656.538.731	9.577.613.060	77.592.550.286	469.522.667.273
Tại ngày cuối năm	240.973.842.929	24.101.447.931	5.374.649.481	82.876.195.260	353.326.135.601

(*) Phần khấu hao trong năm của các tài sản hình thành từ nguồn kinh phí hình thành Tài sản cố định và Quỹ phát triển Khoa học Công nghệ

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 54.100.944.600 đồng.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là Phần mềm máy tính với nguyên giá tại ngày 31/12/2016 là 60.000.000 đồng và Tài sản này đã hết khấu hao.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	520.485.896	8.034.397.930
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	1.868.140.454	1.765.980.114
Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền	12.743.034.340	13.276.448.872
Chi phí thuê đất	7.392.210.744	7.589.145.708
Chi phí trả trước dài hạn khác	9.102.758.471	1.076.631.857
	31.626.629.905	31.742.604.481

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	-	-	24.860.000.000	24.860.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Lạc Hồng	-	-	28.126.311.000	28.126.311.000
Công ty Cổ phần Dây đồng CFT	43.365.078.051	43.365.078.051	75.512.559.134	75.512.559.134
Công ty Cổ phần Kim loại màu và nhựa Đồng Việt	-	-	37.372.908.100	37.372.908.100
Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện	74.981.795.916	74.981.795.916	-	-
Phải trả các đối tượng khác	6.854.743.432	6.854.743.432	46.861.927.172	46.861.927.172
	125.201.617.399	125.201.617.399	212.733.705.406	212.733.705.406
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.)				
	118.946.223.516	118.946.223.516	118.252.895.492	118.252.895.492

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	9.632.950	-	35.823.829.135	35.823.829.135	9.632.950	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	175.997.944	175.997.944	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	4.499.399.393	31.218.948.141	28.799.399.393	-	6.918.948.141
Thuế Thu nhập cá nhân	-	351.080.602	7.810.067.266	7.136.172.601	-	1.024.975.267
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	5.544.225.250	4.212.440.810	-	1.331.784.440
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	834.646.172	-	-	834.646.172
	9.632.950	4.850.479.995	81.412.713.908	76.152.839.883	9.632.950	10.110.354.020

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	10.575.058.935	-
- Chi phí kiểm toán	597.272.727	270.000.000
- Chi phí phải trả khác	705.411.628	81.500.000
	11.877.743.290	351.500.000

16 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	3.192.367.948	1.367.584.028
	3.192.367.948	1.367.584.028
b) Dài hạn		
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	46.945.637.558	36.865.162.057
	46.945.637.558	36.865.162.057

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	48.160.884	1.351.187.456
- Bảo hiểm xã hội	8.934.072	45.237.672
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	208.050.000	83.532.600
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	196.615.000	130.320.000
- Thuế TNCN thu thừa của cán bộ công nhân viên	1.003.454.860	619.069.521
- Đặt cọc thực hiện dự án Trụ sở số 10 Trần Nguyễn Hãn, Hà Nội	20.000.000.000	20.000.000.000
- Phải trả Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Emic	-	16.699.815.109
- Các cổ đông nộp tiền mua cổ phần phát hành thêm (*)	737.100.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	405.000	77.971.735
	22.202.719.816	39.007.134.093
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	9.062.274.095	6.200.875.882
- Công ty Cổ phần Chứng khoán IB đặt mua chứng quyền (**)	90.000.000.000	-
	99.062.274.095	6.200.875.882

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 số 27/TBĐVN/NQ-ĐHCD ngày 01/08/2016 thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ với một số nội dung chính như sau:

- + Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 77.250.000 cổ phần;
- + Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông;
- + Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu;
- + Tỷ lệ phát hành: tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phần là 2:1;
- + Giá phát hành: 18.000 đồng/cổ phần.

(**) Công ty Cổ phần Chứng khoán IB đặt mua Chứng quyền với các nội dung chính như sau:

1. Hợp đồng đặt mua chứng quyền số 20161206/HĐ/IBSC-GEX ngày 06 tháng 12 năm 2016:

- + Số lượng Chứng quyền đặt mua: 1.000 Chứng quyền;
- + Ngày phát hành: Ngày 08 tháng 12 năm 2016;
- + Thời hạn hiệu lực tối đa: 36 tháng;
- + Giá mua: 50.000.000 đồng/Chứng quyền;
- + Số lượng cổ phần phát hành theo mỗi Chứng quyền: 50.000 cổ phần.
- + Giá mua cổ phần được áp dụng tại mỗi thời điểm phát hành Trái phiếu kèm chứng quyền là 20.000 đồng/cổ phiếu. Giá mua mỗi cổ phần khi thực hiện chứng quyền được điều chỉnh theo điều khoản chống pha loãng theo hợp đồng và trong mọi trường hợp, giá mua cổ phần khi thực hiện chứng quyền không thấp hơn 10.000 đồng/ cổ phần.
- + Thời điểm thực hiện chứng quyền: được thực hiện 02 lần trong thời gian hiệu lực của chứng quyền. Đợt 01 không muộn hơn ngày 30/06/2018, đợt 02 không muộn hơn ngày 30/06/2019.

2. Hợp đồng đặt mua chứng quyền số 20161212/HĐ/IBSC-GEX ngày 12 tháng 12 năm 2016 với một số nội dung chính như sau:

- + Số lượng Chứng quyền đặt mua: 800 Chứng quyền;
- + Ngày phát hành: Ngày 13 tháng 12 năm 2016;
- + Thời hạn hiệu lực tối đa: 36 tháng;
- + Giá mua: 50.000.000 đồng/Chứng quyền;
- + Số lượng cổ phần phát hành theo mỗi Chứng quyền: 50.000 cổ phần.
- + Giá mua cổ phần được áp dụng tại mỗi thời điểm phát hành Trái phiếu kèm chứng quyền là 20.000 đồng/cổ phiếu. Giá mua mỗi cổ phần khi thực hiện chứng quyền được điều chỉnh theo điều khoản chống pha loãng theo hợp đồng và trong mọi trường hợp, giá mua cổ phần khi thực hiện chứng quyền không thấp hơn 10.000 đồng/ cổ phần.
- + Thời điểm thực hiện chứng quyền: được thực hiện 02 lần trong thời gian hiệu lực của chứng quyền. Đợt 01 không muộn hơn ngày 30/06/2018, đợt 02 không muộn hơn ngày 30/06/2019.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

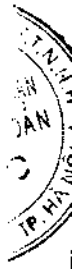
Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Hồ Chí Minh ⁽¹⁾	-	-	96.070.367.292	52.850.922.575	43.219.444.717	43.219.444.717
- Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam - Sở giao dịch	-	-	100.000.660.000	100.000.660.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội ⁽²⁾	-	-	1.198.200.000.000	120.000.000.000	1.078.200.000.000	1.078.200.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Ba Đình ⁽³⁾	-	-	49.320.351.661	18.206.430.855	31.113.920.806	31.113.920.806
- Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	-	-	19.925.295.679	19.925.295.679	-	-
- Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect	-	-	13.544.234.646	13.544.234.646	-	-
- Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	-	-	31.879.199.973	31.879.199.973	-	-
	-	-	1.508.940.109.251	356.406.743.728	1.152.533.365.523	1.152.533.365.523
b) Vay dài hạn						
- Trái phiếu thương mại ⁽⁴⁾	-	-	1.793.713.636.364	-	1.793.713.636.364	1.793.713.636.364
	-	-	1.793.713.636.364	-	1.793.713.636.364	1.793.713.636.364
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	-	-	-	-
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	-	-	-	-	1.793.713.636.364	1.793.713.636.364

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Thỏa thuận sửa đổi thư cho vay số AC2- STVN715-14 ngày 26 tháng 02 năm 2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 2.500.000 USD;
 - + Mục đích vay: dùng cho mục đích tài trợ thanh toán nguyên vật liệu của bên vay theo quy định pháp luật Việt Nam;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 01 năm;
 - + Lãi suất cho vay: theo từng khoản ứng vay. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay tại thời điểm 31/12 là 5,4%/năm đến 5,5%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐTDTL/NHCT106-GELEX ngày 15 tháng 11 năm 2016, giấy nhận nợ số 01 ngày 15/11/2016; Hợp đồng tín dụng số 02/2016/HĐTDTL/NHCT106-GELEX ngày 15 tháng 11 năm 2016, giấy nhận nợ số 01 ngày 15/11/2016 và Hợp đồng tín dụng số 03/2016/HĐTDTL/NHCT106-GELEX ngày 21 tháng 12 năm 2016, giấy nhận nợ số 01 ngày 21/12/2016:
- + Số tiền giải ngân: 1.078,2 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Đầu tư mua cổ phần của Công ty cổ phần Thiết bị điện (THIBIDI); và của Công ty cổ phần Kho vận miền Nam (SOTRANS);
 - + Thời hạn của các khoản vay: 03 tháng.
 - + Lãi suất cho vay: lãi suất tại thời điểm giải ngân từ 5%/năm đến 5,1% /năm.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 2107HĐTĐ.VIB.006.2016 ngày 21 tháng 07 năm 2016 và đơn đề nghị giải ngân kiêm kê ước nhận nợ số 2107.01 ngày 26/08/2016, số 2107.02 ngày 14/10/2016 và số 2107.03 ngày 02/11/2016:
- + Số tiền giải ngân: 31.113.920.806 VNĐ;
 - + Mục đích vay: Thanh toán tiền mua đồng;
 - + Thời hạn của khoản vay: từ 04 tháng đến 06 tháng.
 - + Lãi suất cho vay: lãi suất tại thời điểm giải ngân từ 4,9%/năm đến 5,4%/năm, được điều chỉnh 02 tuần/01 lần và phù hợp với các quy định của pháp luật về lãi suất và chính sách của VIB tại từng thời kỳ.



Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (4.1) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 612/2016/HDDM.TP/VIB-GELEX giữa Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam chi nhánh Ba Đình ngày 06/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Mục đích phát hành trái phiếu: Góp vốn thành lập Công ty TNHH MTV Bất động sản Gelex, bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh, cơ cấu lại các khoản nợ của doanh nghiệp và các mục đích hợp pháp khác;
 - + Số lượng trái phiếu: 1.000 (Một nghìn) Trái phiếu;
 - + Ngày phát hành: 08/12/2016;
 - + Ngày đáo hạn: 08/12/2019;
 - + Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000.000 (Một tỷ đồng).
 - + Tài sản đảm bảo: Giá trị trái phiếu được đảm bảo bằng 20.500.000 cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (Cadivi); 20.500.000 cổ phần phổ thông của Cadivi mà Tổng Công ty dự kiến sẽ mua thêm trong quý 1/2017 và phần vốn góp của Tổng công ty vào Công ty TNHH MTV bất động sản Gelex được hình thành từ nguồn vốn phát hành trái phiếu này.
- (4.2) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 01.2016/HDDM/TPBANK-GELEX ngày 12/12/2016 giữa Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Tiên Phong với các điều khoản chi tiết sau:
- + Mục đích phát hành trái phiếu: Góp vốn thành lập Công ty TNHH MTV Năng lượng Gelex, bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh và các mục đích hợp pháp khác;
 - + Số lượng trái phiếu: 800 (Tám trăm) trái phiếu;
 - + Ngày phát hành: 12/12/2016;
 - + Ngày đáo hạn: 12/12/2019;
 - + Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000.000 (Một tỷ đồng).
 - + Tài sản đảm bảo: Giá trị trái phiếu được đảm bảo bằng công trình trên đất là tòa nhà Gelex Tower tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành, 10.946.969 cổ phần Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (Thibidi), 24.242.245 cổ phần Công ty Cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội (HEM), 23.600.000 cổ phần hạn chế chuyển nhượng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (Thibidi) và phần vốn góp của tổ chức phát hành tại Công ty TNHH MTV Năng lượng Gelex có nguồn gốc từ trái phiếu phát hành.

19 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn	18.517.030.360	-
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	18.517.030.360	-
	18.517.030.360	-
b) Dài hạn	25.640.119.184	35.489.024.271
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	25.640.119.184	35.489.024.271
	25.640.119.184	35.489.024.271

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	1.400.000.000.000	-	(5.025.000.000)	32.500.000.000	242.561.521.349	1.670.036.521.349
Tăng vốn trong năm trước	150.000.000.000	66.378.000.000	-	-	-	216.378.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	249.651.441.276	249.651.441.276
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	29.500.000.000	(213.055.000.000)	(183.555.000.000)
Số dư cuối năm trước	1.550.000.000.000	66.378.000.000	(5.025.000.000)	62.000.000.000	279.157.962.625	1.952.510.962.625
Số dư đầu năm nay (*)	1.550.000.000.000	66.378.000.000	(5.025.000.000)	62.000.000.000	279.157.962.625	1.952.510.962.625
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	305.506.529.160	305.506.529.160
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	77.656.441.276	(249.651.441.276)	(171.995.000.000)
Số dư cuối năm nay	1.550.000.000.000	66.378.000.000	(5.025.000.000)	139.656.441.276	335.013.050.509	2.086.022.491.785

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 26/06/2015 của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ nhằm mục đích phục vụ mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngày 06 tháng 08 năm 2015, Tổng Công ty đã thực hiện chào bán hết 15 triệu cổ phiếu như kế hoạch cho Công ty Cổ phần chứng khoán Bản Việt với giá bán 14.434 đồng/cổ phần. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang thực hiện sử dụng nguồn vốn theo đúng như cam kết tại các văn bản đã được thông qua.

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 19/TBĐVN/NQ-ĐHCD ngày 04 tháng 03 năm 2016, Tổng Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	249.651.441.276
Trích Quỹ đầu tư phát triển	31,11%	77.656.441.276
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6,00%	15.000.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 10% vốn điều lệ)	61,89%	154.500.000.000
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	1,00%	2.495.000.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Công ty TNHH MTV Đầu tư GEX	23,09%	357.968.000.000	0,00%	-
Các cổ đông khác	76,59%	1.187.032.000.000	99,68%	1.545.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	0,32%	5.000.000.000	0,32%	5.000.000.000
	100%	1.550.000.000.000	100%	1.550.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.550.000.000.000	1.550.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	1.550.000.000.000	1.400.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	150.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	1.550.000.000.000	1.550.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	155.000.000	155.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	155.000.000	155.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	155.000.000	155.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	500.000	500.000
- Cổ phiếu phổ thông	500.000	500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	154.500.000	154.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	154.500.000	154.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	139.656.441.276	62.000.000.000
	139.656.441.276	62.000.000.000

21 . NGUỒN KINH PHÍ ĐÃ HÌNH THÀNH TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

- Nguồn vốn hình thành: do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp;
- Mục đích: thực hiện các dự án theo chương trình “Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ năng lượng” cấp nhà nước giai đoạn 2011-2015;
- Tài sản hình thành từ chương trình bao gồm: Bàn kiểm công tơ 3 pha và Thiết bị đo phóng điện cục bộ. Nguyên giá của các tài sản nêu trên là 2.736.000.000 đồng; hao mòn lũy kế đến ngày 31/12/2016 là 354.730.559 đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	31/12/2016	01/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	447,53	18.692
- Đồng Yên Nhật (JPY)	-	33.000

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.237.905.691.098	1.310.783.862.305
Doanh thu cung cấp dịch vụ	55.312.095.343	46.499.564.026
	<u>1.293.217.786.441</u>	<u>1.357.283.426.331</u>

24 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	4.106.711.000	7.207.354.930
	<u>4.106.711.000</u>	<u>7.207.354.930</u>

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	1.084.608.998.946	1.109.477.868.780
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	35.929.098.624	29.879.426.539
	<u>1.120.538.097.570</u>	<u>1.139.357.295.319</u>

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	29.612.865.724	23.504.403.723
Lãi bán các khoản đầu tư	41.608.963.640	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	189.637.216.500	130.149.758.911
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	303.808.135	936.650.066
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	203.142.136	1.558.574.765
Lãi bán trái phiếu	8.641.993.400	-
	<u>270.007.989.535</u>	<u>156.149.387.465</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	19.030.934.004	556.154.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	684.561.102	415.496.284
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	14.721.860.307	-
Chi phí tài chính khác	318.373.329	-
	34.755.728.742	971.650.284

28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.092.745.045	1.980.426.567
Chi phí nhân công	1.317.303.662	1.367.984.102
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.059.344.811	11.735.227.046
Chi phí khác bằng tiền	2.325.076.429	4.103.128.598
Chi phí bảo hành	8.695.114.054	1.372.900.262
	22.489.584.001	20.559.666.575

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.185.601.659	2.534.340.155
Chi phí nhân công	27.487.817.753	24.056.183.457
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.427.133.546	972.630.390
Thuế, phí, lệ phí	5.397.553.706	7.094.121.735
Hoàn nhập dự phòng	(9.246.572.320)	6.001.385.210
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.621.475.346	11.105.492.580
Chi phí khác bằng tiền	8.364.350.767	10.398.824.768
	46.237.360.457	62.162.978.295

30 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	35.001.600	136.004.242
Lãi do đánh giá lại tài sản	3.391.987.600	-
Thu nhập khác	97.140.957	160.521.800
	3.524.130.157	296.526.042

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

31 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	1.974.306
Các khoản bị phạt	4.135.231.423	-
Chi phí khác	477.990.558	317.579.460
	4.613.221.981	319.553.766

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	334.009.202.382	283.150.840.669
Các khoản điều chỉnh tăng	6.025.266.239	1.450.715.900
- Chi phí không hợp lệ	6.025.266.239	1.450.715.900
Các khoản điều chỉnh giảm	(197.521.102.510)	(132.331.559.328)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(189.637.216.500)	(130.149.758.911)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(203.142.136)	(1.641.800.417)
- Các khoản Khác(chi phí đã tính thuế năm trước)	(7.680.743.874)	(540.000.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	142.513.366.111	152.269.997.241
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28.502.673.222	33.499.399.393
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước tăng thuế TNDN phải nộp năm nay	2.716.274.919	222.650.608
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	4.499.399.393	23.726.493.271
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(28.799.399.393)	(52.949.143.879)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	6.918.948.141	4.499.399.393

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	525.966.812.318	466.375.144.122
Chi phí nhân công	60.542.618.134	79.384.858.195
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.053.806.242	32.069.629.408
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.276.418.882	37.838.941.307
Chi phí khác bằng tiền	40.478.106.989	30.262.682.550
	667.317.762.565	645.931.255.582

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.952.418.381.205	-	121.223.651.001	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	174.505.148.896	-	380.073.355.198	(7.680.743.874)
Các khoản cho vay	248.046.708.523	-	482.885.120.000	-
	2.374.970.238.624	-	984.182.126.199	(7.680.743.874)

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	2.946.247.001.887	-
Phải trả người bán, phải trả khác	246.466.611.310	257.941.715.381
Chi phí phải trả	11.877.743.290	351.500.000
	3.204.591.356.487	258.293.215.381

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản trương đương tiền	1.952.418.381.205	-	-	1.952.418.381.205
Phải thu khách hàng, phải thu khác	174.505.148.896	-	-	174.505.148.896
Các khoản cho vay	248.046.708.523	-	-	248.046.708.523
	<u>2.374.970.238.624</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>2.374.970.238.624</u>
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản trương đương tiền	121.223.651.001	-	-	121.223.651.001
Phải thu khách hàng, phải thu khác	372.392.611.324	-	-	372.392.611.324
Các khoản cho vay	482.885.120.000	-	-	482.885.120.000
	<u>976.501.382.325</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>976.501.382.325</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	1.152.533.365.523	1.793.713.636.364	-	2.946.247.001.887
Phải trả người bán, phải trả khác	147.404.337.215	99.062.274.095	-	246.466.611.310
Chi phí phải trả	11.877.743.290	-	-	11.877.743.290
	<u>1.311.815.446.028</u>	<u>1.892.775.910.459</u>	<u>-</u>	<u>3.204.591.356.487</u>
Tại ngày 01/01/2016				
Phải trả người bán, phải trả khác	251.740.839.499	6.200.875.882	-	257.941.715.381
Chi phí phải trả	351.500.000	-	-	351.500.000
	<u>252.092.339.499</u>	<u>6.200.875.882</u>	<u>-</u>	<u>258.293.215.381</u>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường số 27/TBĐVN/NQ-ĐHCD ngày 01 tháng 08 năm 2016, Tổng Công ty đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ như sau:

- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 77.250.000 cổ phần;
- Mệnh giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần;
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu;
- Tỷ lệ phát hành: Tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phần là 2:1 (cổ đông sở hữu 1 cổ phần tương ứng với 1 quyền, 2 quyền được mua 1 cổ phần mới);
- Giá phát hành: 18.000 đồng/cổ phần;
- Thời gian thực hiện dự kiến: Ủy quyền cho HĐQT quyết định sau khi được UBCK Nhà nước cấp phép;
- Phương án sử dụng vốn:
 - + Tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Thiết bị điện thông qua việc mua cổ phần chào bán cho cổ đông chiến lược (578.200.000.000 đồng);
 - + Đầu tư vào ngành logistics thông qua việc tìm kiếm, thương thảo để mua cổ phần chi phối của các doanh nghiệp đang hoạt động hiệu quả trong ngành, bao gồm Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam và các doanh nghiệp khác (812.300.000.000 đồng).

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lập và phê duyệt phương án sử dụng vốn chi tiết cho từng mục đích nói trên.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Theo Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng số 20/2017/GELEX-BC ngày 23 tháng 01 năm 2016 của Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam và Công văn số 534/UBCK-QLCB ngày 23 tháng 01 năm 2017 về việc xác nhận đã nhận Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng số 20/2017/GELEX-BC ngày 23/01/2017 của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam ngày 23 tháng 01 năm 2017 thì số lượng cổ phiếu đã phát hành thành công là 77.000.000 cổ phiếu, nâng vốn điều lệ của Tổng Công ty lên là 2.320.000.000.000 đồng.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hơn 90% hoạt động của Tổng Công ty là hoạt động sản xuất, thương mại trong lĩnh vực thiết bị điện và hơn 90% hoạt động của Tổng Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

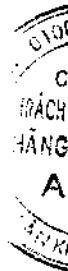
Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
Góp vốn/mua thêm phần vốn góp		2.003.481.701.363	-
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	263.865.205.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX	Công ty con	13.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	Công ty con	578.200.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo điện	Công ty con	368.000.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX	Công ty con	220.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Khí cụ điện I		6.123.660.000	-
Công ty Cổ phần kho vận Miền Nam	Công ty liên kết	554.292.836.363	-
Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ		504.624.709.940	678.317.840.669
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	430.814.881.551	570.920.260.544
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	6.400.948.853	8.697.244.120
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX	Công ty con	406.823.092	-
Công ty TNHH GELEX Campuchia	Công ty con	7.918.490.916	24.751.354.967
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo điện	Công ty con	4.996.743.495	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	14.082.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC (EPT)	Công ty liên kết	37.439.457.864	58.587.141.625
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	Công ty con	14.100.872.300	12.520.597.680
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên kết	487.090.869	471.927.233
Công ty Cổ phần Khí cụ điện I	Công ty liên kết	2.045.319.000	2.369.314.500

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Giao dịch phát sinh trong năm (tiếp theo):			
Mua hàng hóa dịch vụ		835.432.783.491	713.251.336.333
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	910.125.908	3.133.644.387
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	227.548.633.432	110.423.793.474
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX	Công ty con	3.728.481.818	-
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo điện	Công ty con	137.320.992.010	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	5.660.806.538	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC (EPT)	Công ty liên kết	89.182.795.835	124.141.279.511
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	Công ty liên kết	27.000.000	-
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên kết	371.053.947.950	452.947.619.761
Công ty Cổ phần Khí cụ điện I	Công ty liên kết	-	4.999.200
Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai	Công ty con gián tiếp	-	22.600.000.000
Lãi cho vay vốn		3.691.049.433	7.155.124.225
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	2.839.495.833	5.700.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	371.553.600	743.107.200
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC (EPT)	Công ty liên kết	480.000.000	458.333.333
Công ty Cổ phần Khí cụ điện I	Công ty liên kết	-	253.683.692
Cổ tức, lợi nhuận được chia		189.637.216.500	127.100.370.311
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	56.165.472.000	56.165.472.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	36.088.875.000	29.720.250.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Công ty con	2.690.637.000	1.490.700.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC (EPT)	Công ty liên kết	1.020.000.000	765.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	Công ty liên kết	65.824.025.000	19.548.160.000
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên kết	24.378.127.500	15.940.708.311
Công ty Cổ phần Khí cụ điện I	Công ty liên kết	3.470.080.000	3.470.080.000



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		92.658.489.064	166.832.496.966
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	81.430.811.033	112.574.675.940
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	485.617	1.362.619.291
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX	Công ty con	297.221.650	-
Công ty TNHH GELEX Campuchia	Công ty con	10.881.605.862	33.308.028.708
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo điện	Công ty con	48.364.902	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC (EPT)	Công ty liên kết	-	18.326.134.743
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	Công ty con	-	934.193.084
Công ty Cổ phần Khí cụ điện I	Công ty liên kết	-	326.845.200
Phải thu khác		4.957.327.000	11.080.987.000
Công ty TNHH GELEX Campuchia	Công ty con	4.957.327.000	4.957.327.000
Công ty Cổ phần Khí cụ điện I	Công ty liên kết	-	6.123.660.000
Phải trả người bán ngắn hạn		118.946.223.516	118.252.895.492
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	-	6.250.527.015
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	599.349.549	11.629.809.343
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo điện	Công ty con	74.981.795.916	-
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên kết	43.365.078.051	75.512.559.134
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	Công ty con	-	24.860.000.000
Phải thu lãi cho vay		2.288.926.363	5.045.706.096
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	-	2.850.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	2.288.926.363	1.917.372.763
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC (EPT)	Công ty liên kết	-	278.333.333
Phải trả khác		-	16.699.815.109
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC (EPT)	Công ty liên kết	-	16.699.815.109

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	9.689.278.415	4.321.100.000

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Năm 2016, Tổng Công ty thay đổi phương pháp lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng từ phương pháp trực tiếp sang phương pháp gián tiếp. Do đó, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng năm 2015 đã được Tổng Công ty lập lại theo phương pháp gián tiếp để so sánh với số liệu năm nay.



Dương Việt Nga
Người lập



Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2017

